

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Ngày 30/09/2025	13,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.2%	0%	-2.9%

DT thuần Q3/25	2,056
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼808 -28.2%	
YoY: ▼330 -13.8%	

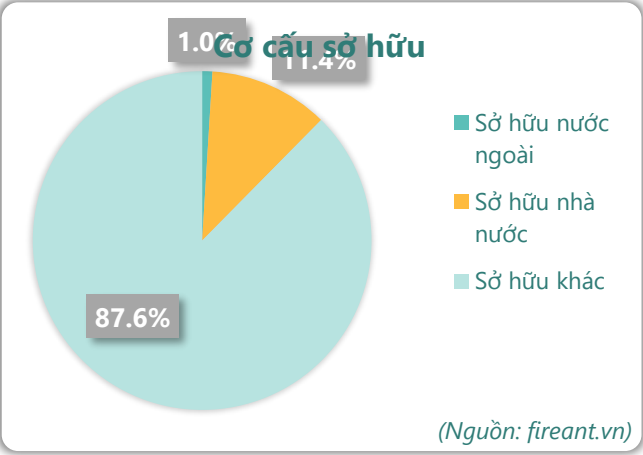
LN thuần Q3/25	42.0
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼197 -82.4%	
YoY: ▼43.5 -50.8%	

LN sau thuế Q3/25	33.0
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼158 -82.7%	
YoY: ▼43.1 -56.6%	

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25	2.0%
YoY: +/-▼ 6.4%	

ROE (TTM) Q3/25	10.9%
YoY: +/-▼ 0.7%	

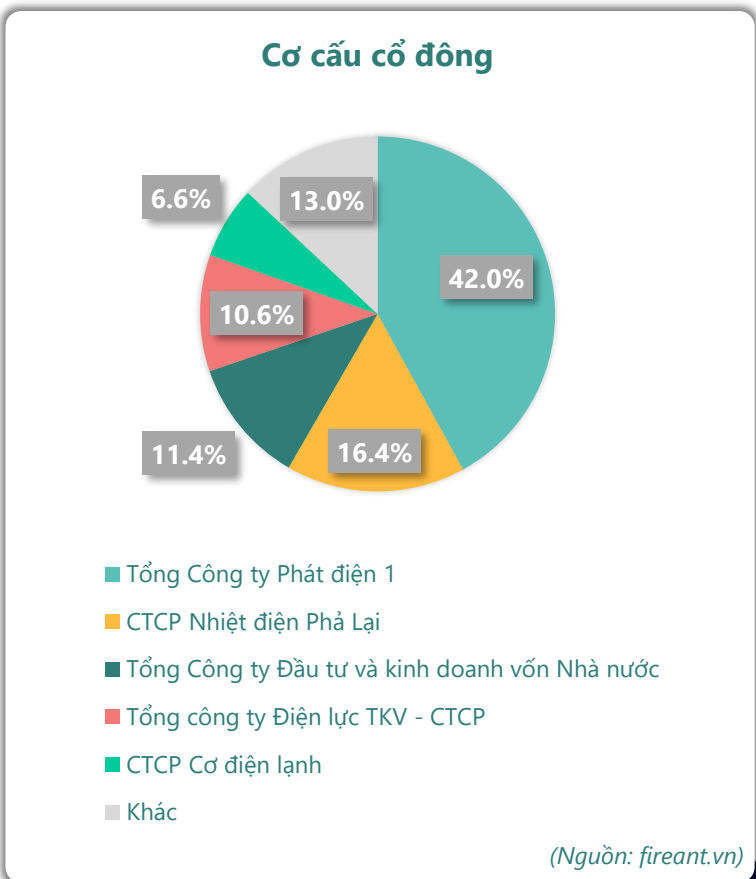
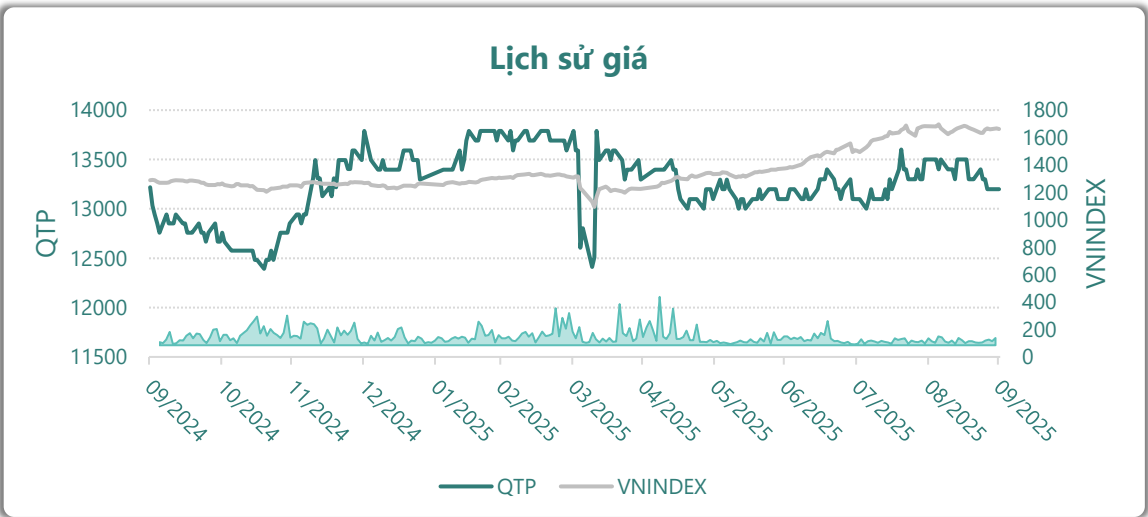
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,392 - 13,789
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,940
Số lượng CPLH (CP)	450,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	316,315
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.72
EPS	1,292
P/E	10.2



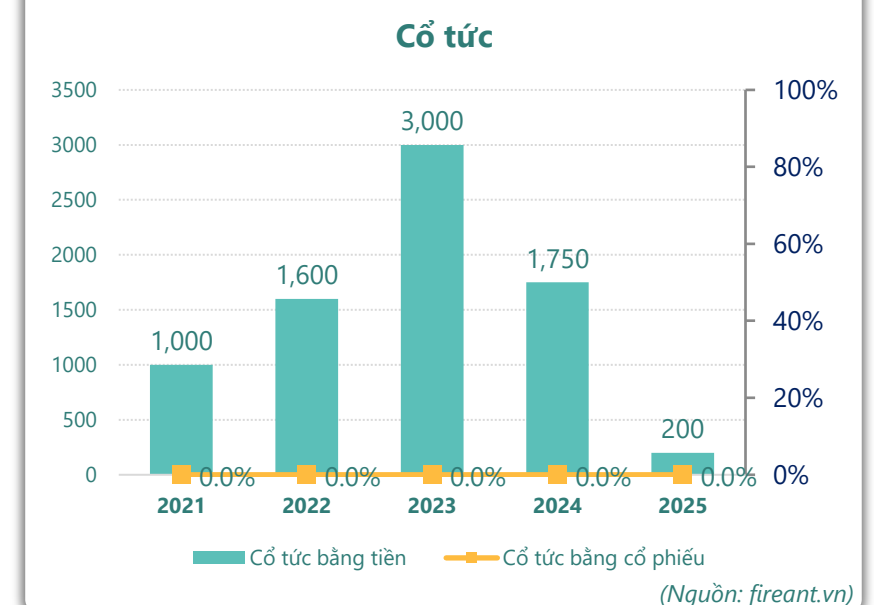
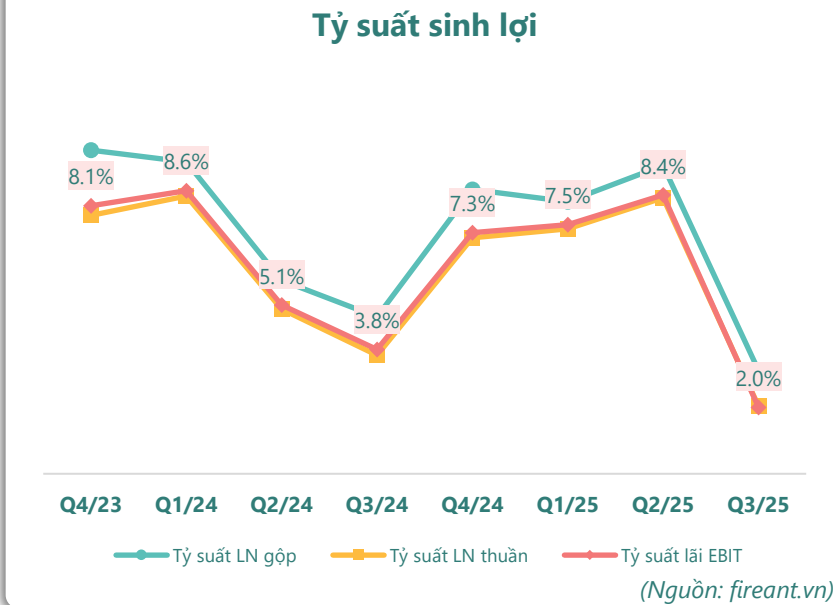
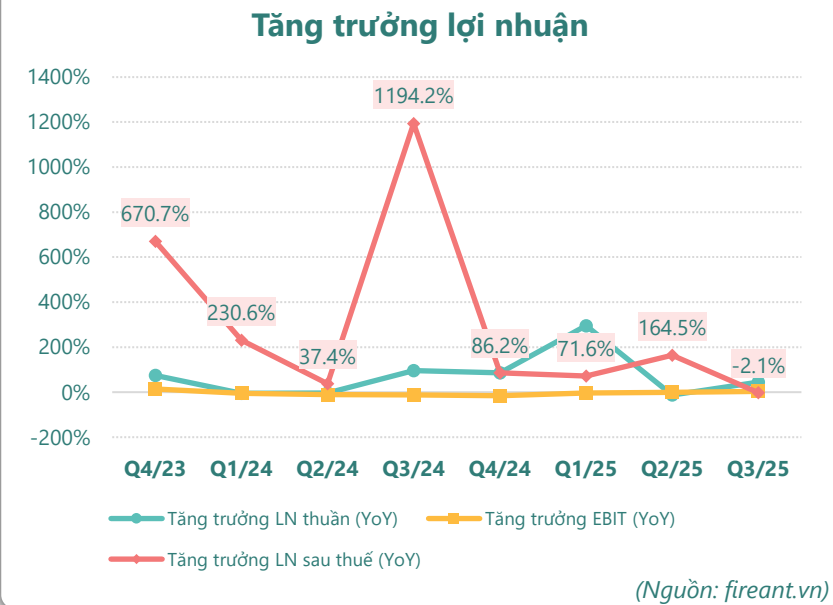
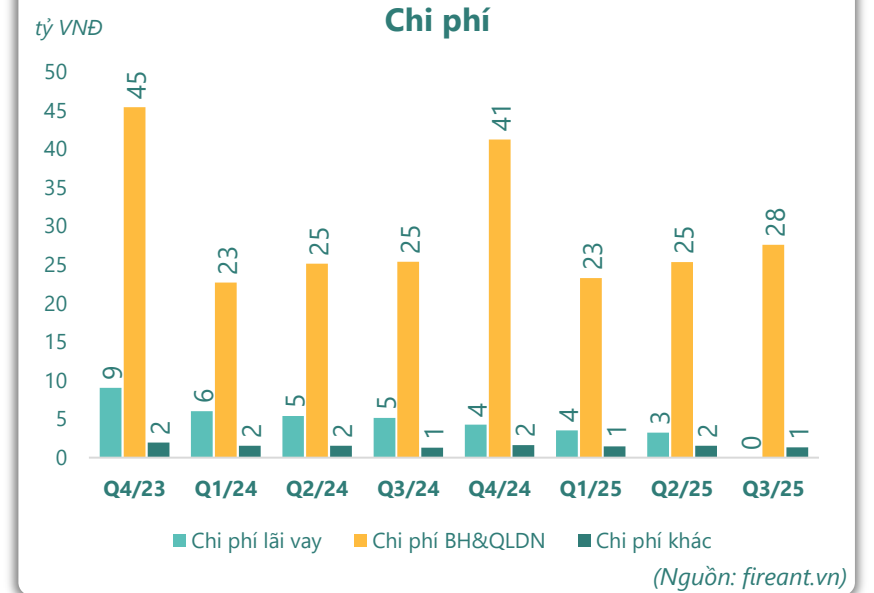
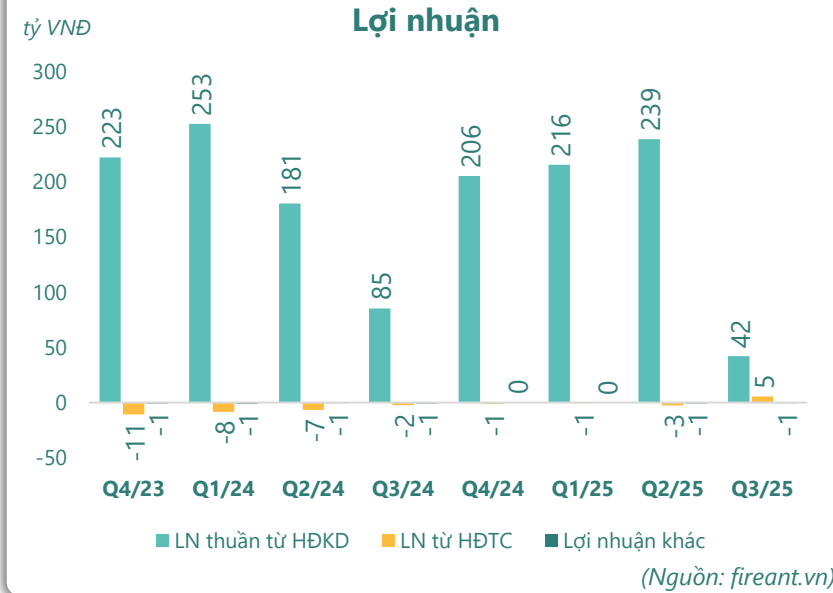
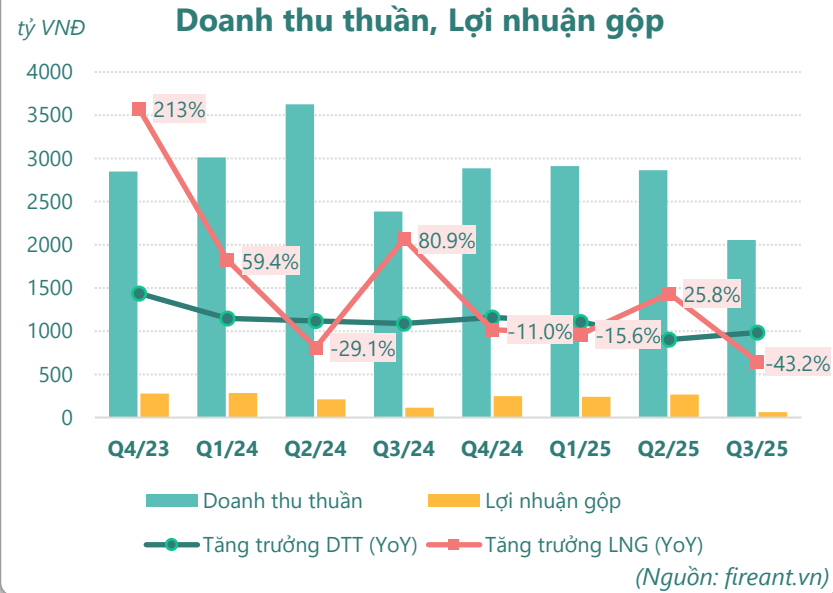
DT thuần 9T 2025	7,833
tỷ VNĐ	
YoY: ▼1,191 -13.2%	

LN thuần 9T 2025	497
tỷ VNĐ	
YoY: ▼22.0 -4.2%	

LN sau thuế 9T 2025	396
tỷ VNĐ	
YoY: ▼68.0 -14.7%	



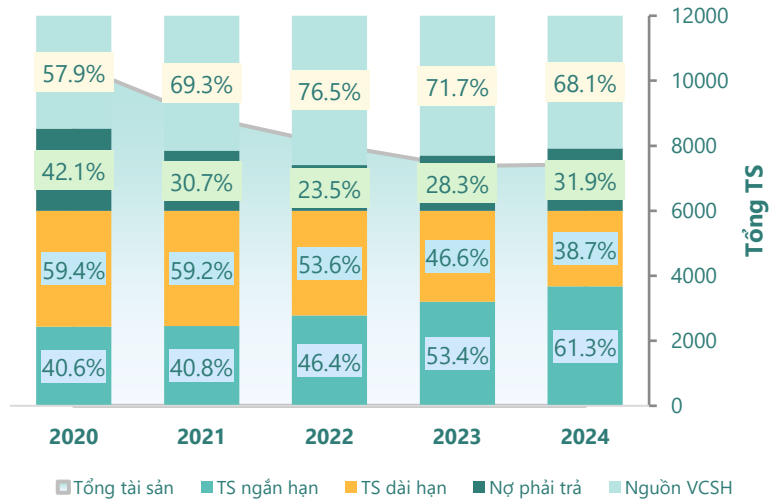
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

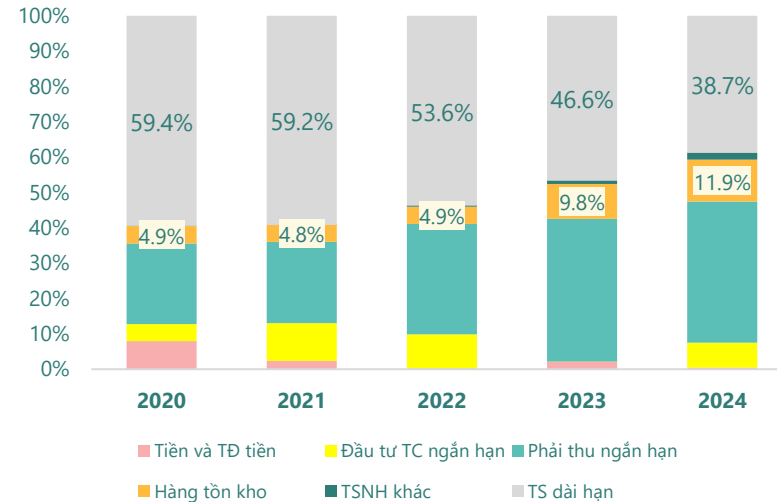
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

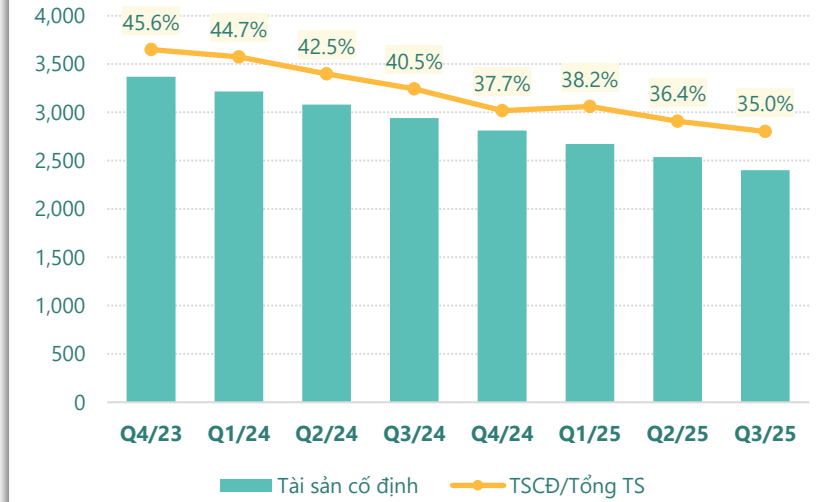
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

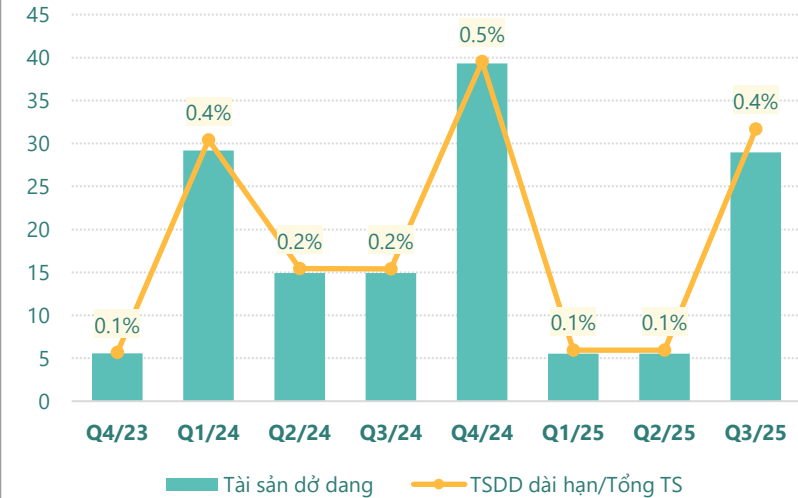
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

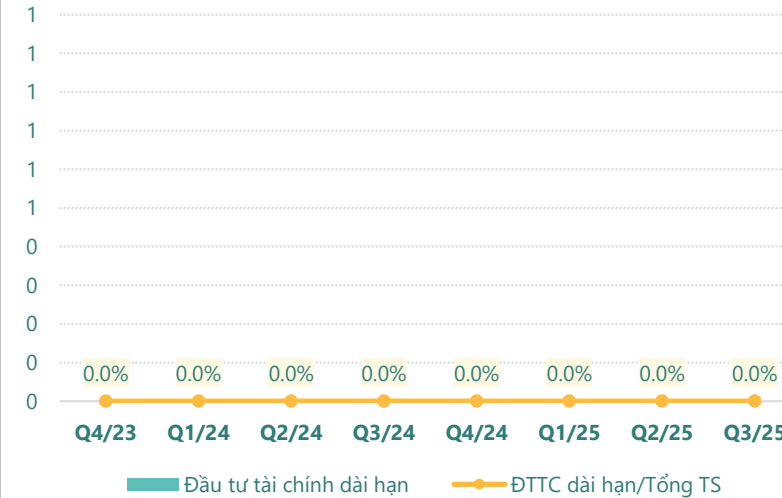
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

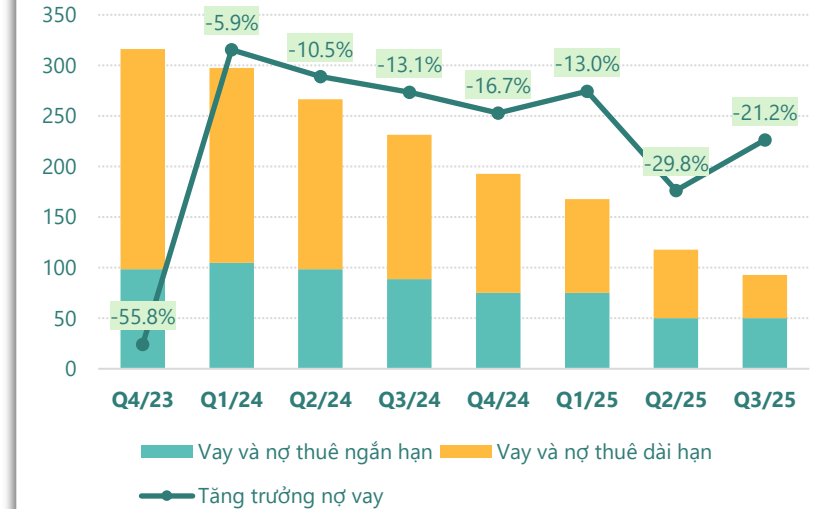
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

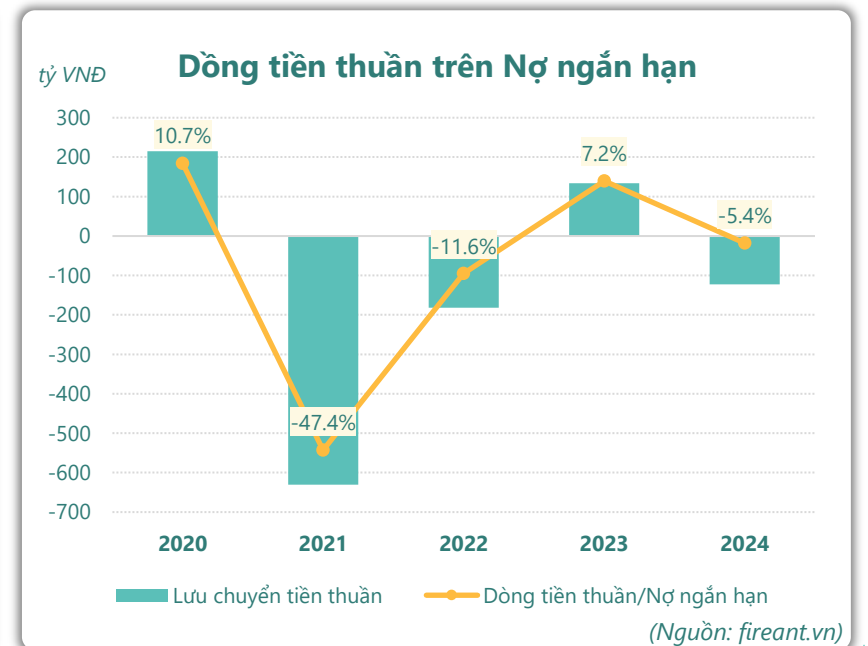
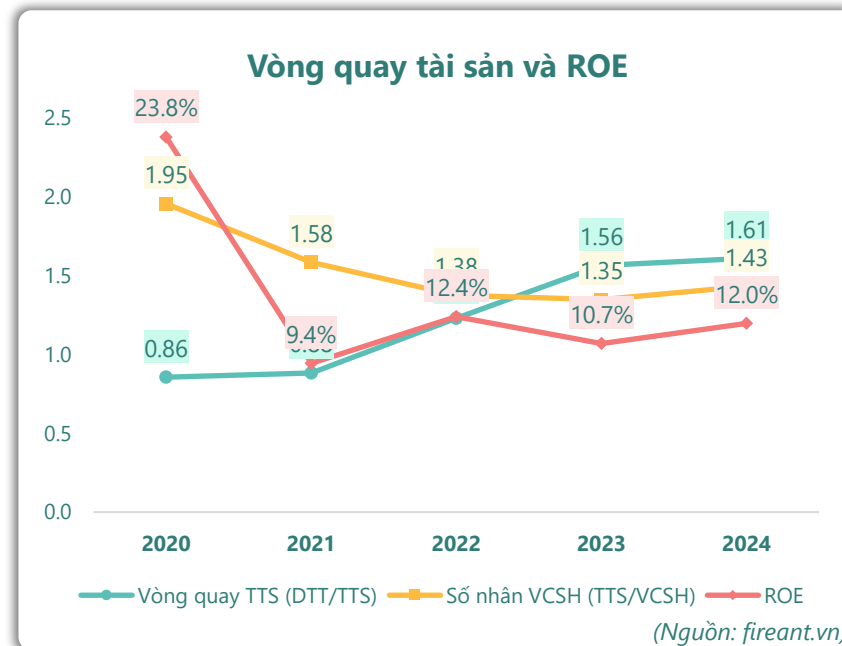
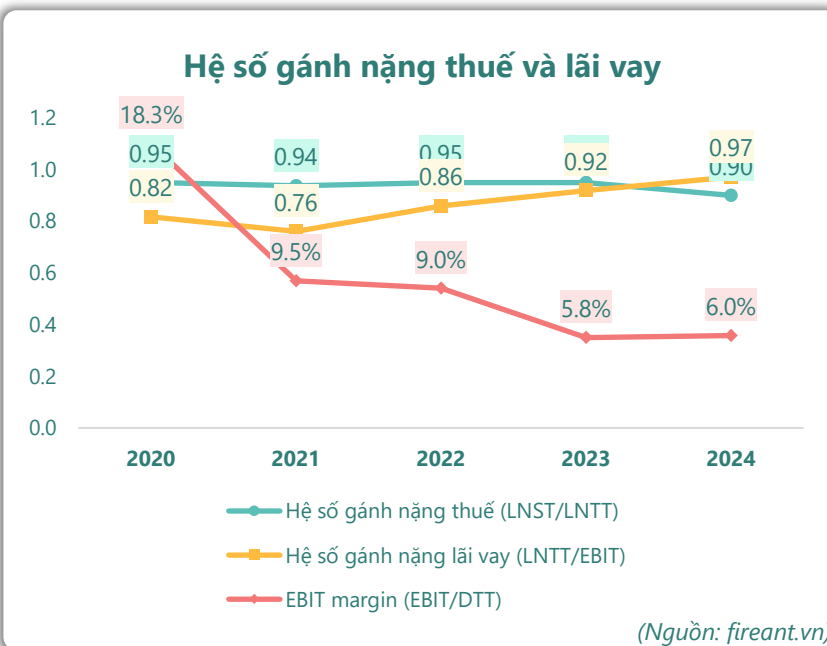
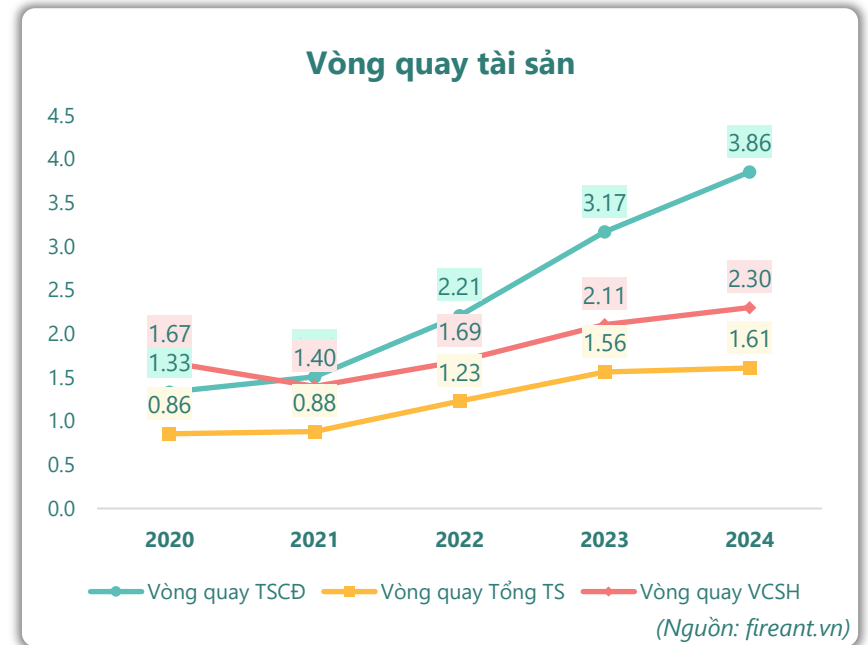
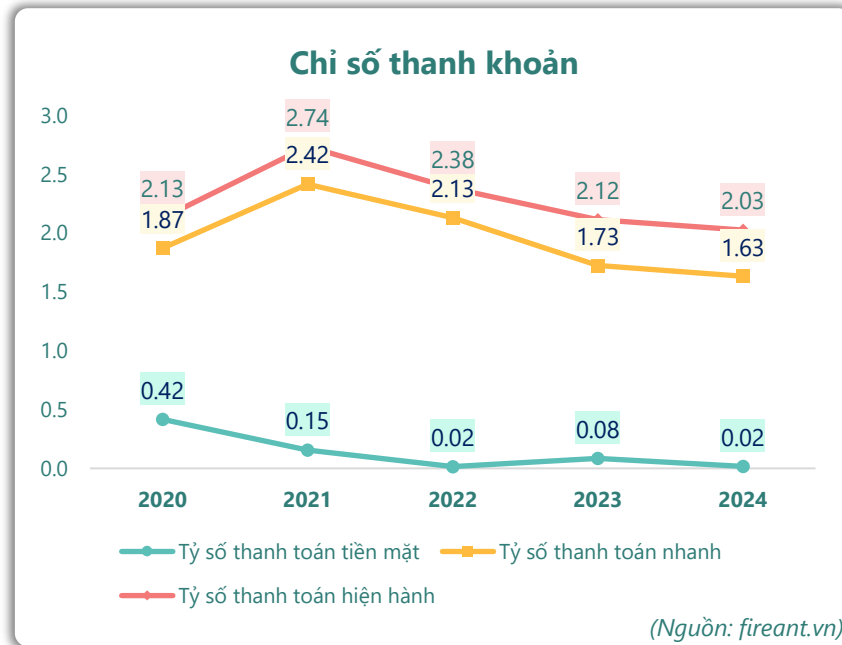
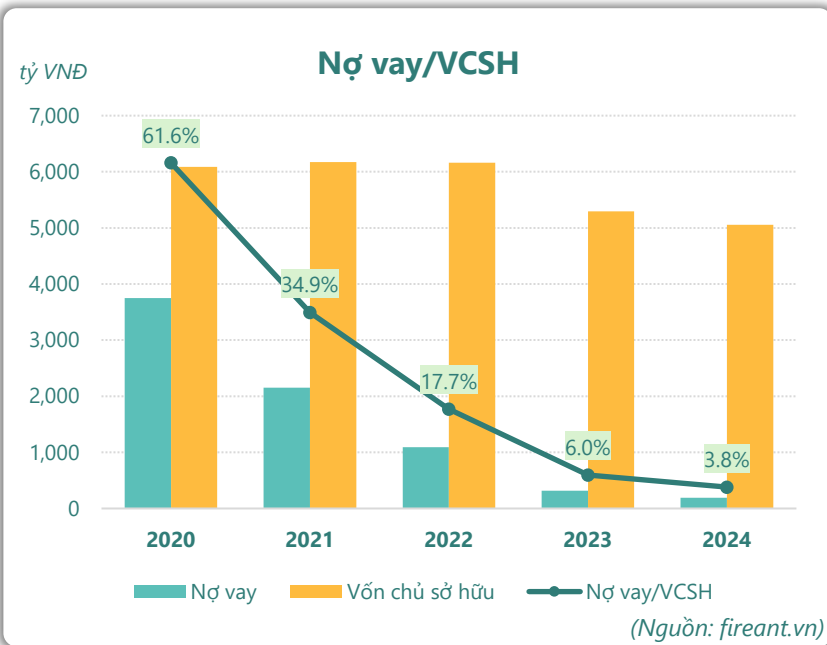
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,056	2,386	-13.8%	7,833	9,024	-13.2%
Giá vốn hàng bán	1,992	2,273	-12.4%	7,262	8,415	-13.7%
Lợi nhuận gộp	64.2	113	-43.1%	571	610	-6.3%
Doanh thu HĐTC	7.99	0.86	829%	13.6	1.11	1126%
Chi phí TC	2.58	3.16	-18.3%	11.4	18.5	-38.2%
Chi phí lãi vay	0	5.13	-100%	6.81	16.5	-58.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	27.6	25.4	8.7%	76.2	73.3	4.0%
LN thuần từ HĐKD	42.0	85.5	-50.8%	497	519	-4.2%
Lợi nhuận khác	-0.71	-0.85	16.4%	-1.47	-2.68	45.3%
LN trước thuế	41.3	84.6	-51.1%	496	516	-4.0%
Lợi nhuận sau thuế	33.0	76.1	-56.6%	396	464	-14.7%
LNST của CĐ cty mẹ	33.0	76.1	-56.6%	396	464	-14.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	82.6	528	231	45.7	377	746
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.42	-330	-188	418	-319	-608
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.3	-244	-38.9	-475	-50.2	-115
Tiền đầu kỳ	30.7	77.5	31.9	35.5	24.9	32.2
Lưu chuyển tiền thuần	46.8	-45.6	3.61	-10.7	7.28	23.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	77.5	31.9	35.5	24.9	32.2	55.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,857	7,423	-7.6%
Tài sản ngắn hạn	4,374	4,550	-3.9%
Tiền và tương đương tiền	55.4	35.5	55.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,032	522	97.8%
Phải thu ngắn hạn	2,288	2,962	-22.7%
Hàng tồn kho	822	882	-6.8%
Tài sản ngắn hạn khác	176	149	18.2%
Tài sản dài hạn	2,483	2,873	-13.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2,401	2,811	-14.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	29.0	5.52	425%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	52.8	56.4	-6.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,567	2,368	-33.8%
Nợ ngắn hạn	1,519	2,245	-32.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	50.0	75.0	-33.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	844	1,435	-41.2%
Nợ dài hạn	47.8	123	-61.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	42.8	118	-63.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,290	5,055	4.6%
Vốn chủ sở hữu	5,290	5,055	4.6%
Vốn điều lệ	4,500	4,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

